

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 3 - 2018

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Ngọc Chân và bà Lê Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02/02/2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Kim T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Lữ Thị Ánh M, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2018, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn ông Trần Kim T, trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* ông T và bà M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong công việc hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi nhau gây ảnh hưởng xấu đến con cái và hàng xóm xung quanh. Ông T cũng đã nhiều lần nín nhịn để cùng nhau sống hòa thuận với con cháu nhưng bà M có nhiều lời nói xúc phạm đến ông T, từ đầu năm 2017 bà M chuyển về sống với con trai và xúi giục con qua nhà ông T gây gỗ và đánh ông T, hai người đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Ông T xác định không còn tình cảm nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lữ Thị Ánh M.

Bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2018 và tại biên bản hòa giải, bà Lữ Thị Ánh M, trình bày:

Bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống gia đình có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm điểm nên xảy ra cãi nhau thường xuyên. Ông T nhiều lần có lời nói xúc phạm bà M. Nay ông T yêu cầu giải quyết ly hôn, bà M xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, tuy nhiên bà M cho rằng, cả bà và ông T đều đã lớn tuổi nên không đồng ý ly hôn, hai người cứ sống ly thân với nhau, vì ly hôn sẽ mang tiếng xấu với con cháu.

[2] *Về con chung:* Ông T và bà M khai, vợ chồng có ba người con chung là: Trần Kim Q, sinh ngày 26/02/1982; Trần Kim Đ, sinh ngày 28/02/1986 và Trần Kim Đ, sinh ngày 20/6/1988;

Các cháu đều đã đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh nên ông T và bà M không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* ông T và bà M đều không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lữ Thị Ánh M. Về các vấn đề khác như về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lữ Thị Ánh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/3/2018 bà M giữ quan điểm về vấn đề hôn nhân là vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cũng không còn tình cảm gì với nhau nhưng không đồng ý ly hôn, vợ chồng cứ sống ly thân với nhau, vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến danh dự của các con. Về các vấn đề khác như về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông T được ly hôn với bà M. Các vấn đề khác nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Lữ Thị Ánh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về hôn nhân:* ông T và bà M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong công việc hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi nhau gây ảnh hưởng xấu đến con cái và hàng xóm xung quanh. Ông T cũng đã nhiều lần nhẫn nhịn để cùng nhau sống hòa thuận với con cháu nhưng bà M có nhiều lời nói xúc phạm đến ông T, từ đầu năm 2017 bà M chuyển về sống với con trai và xúi giục con qua nhà ông T gây gỗ và đánh ông T, hai người đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Ông T xác định không còn tình cảm nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lữ Thị Ánh M.

Bà M cho rằng cuộc sống chung xảy nhiều mâu thuẫn và vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nhưng không đồng ý ly hôn, hai vợ chồng tiếp tục sống ly thân với nhau, vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến danh dự các con.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà M chung sống với nhau từ năm 1977, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn và ông bà đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017

đến nay, ông T xét thấy không còn tình cảm với bà M nữa nên ông T kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Bà M cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn với lý do ảnh hưởng đến danh dự các con là lý do không chính đáng nên không được chấp nhận. HĐXX xét thấy giữa ông T và M thực tế có xảy ra mâu thuẫn gia đình và không còn khả năng đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Cho ông T được ly hôn với bà M là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: ông T và bà M có 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thông nhất không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn ông Trần Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim T.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Kim T được ly hôn với bà Lữ Thị Ánh M. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Kim T với bà Lữ Thị Ánh M chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về án phí*: Ông Trần Kim T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà

ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001793 ngày 01/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông. Ông T đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi